

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ ALPHA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ ALPHA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALPHA INVESTMENT AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALPHA INVESTMENT AND SERVICE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109856286

3. Ngày thành lập: 15/12/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2 ngách 169/11 Ngõ 169, Đường Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902114668

Fax:

Email: vat.alphainvest@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống), đại lý xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633

17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: -Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, - Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, - Bán buôn kính xây dựng, bán buôn sơn, vecsni, - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, - Bán buôn đồ ngũ kim	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
23.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hoạt động báo chí)	8230
27.	Dịch vụ đóng gói	8292
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
29.	Giáo dục nhà trẻ	8511
30.	Giáo dục mẫu giáo	8512
31.	Giáo dục tiểu học	8521
32.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
33.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
34.	Đào tạo sơ cấp	8531
35.	Đào tạo trung cấp	8532
36.	Đào tạo cao đẳng	8533
37.	Đào tạo đại học	8541

38.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
39.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
40.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh;	8559
41.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
42.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ Hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
43.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
44.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
45.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
46.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
47.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
48.	Lập trình máy vi tính	6201
49.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
50.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy tính và cài đặt phần mềm	6209
51.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
52.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
53.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản. Tư vấn bất động sản Quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820(Chính)
54.	Quảng cáo	7310
55.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
56.	Cho thuê xe có động cơ	7710
57.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
58.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
59.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
60.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

61.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
62.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
63.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
64.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
65.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
66.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
67.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
68.	Sản xuất rượu vang	1102
69.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
70.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
71.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
72.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
73.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
74.	In ấn	1811
75.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
76.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đầu giá)	4791
77.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
78.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
79.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
80.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
81.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
82.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
83.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	4932
84.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
85.	Vận tải đường ống	4940
86.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
87.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
88.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
89.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
91.	Bốc xếp hàng hóa	5224

92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay (trừ vận tải hàng không)	5229
93.	Bưu chính Chi tiết: Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh	5310
94.	Chuyển phát	5320
95.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
96.	Cơ sở lưu trú khác	5590
97.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
98.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
99.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; - Hoạt động chuyển nhượng cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống	5629
100.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
101.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
102.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
103.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
104.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
105.	Đại lý du lịch	7911
106.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
107.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch	7990
108.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
109.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129

110.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
111.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
112.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
113.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
114.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
115.	Thu gom rác thải độc hại	3812
116.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
117.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
118.	Tái chế phế liệu	3830
119.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
120.	Xây dựng nhà để ở	4101
121.	Xây dựng nhà không để ở	4102
122.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
123.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
124.	Xây dựng công trình điện	4221
125.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
126.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
127.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn.	4229
128.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
129.	Phá dỡ (không bao gồm hoạt động dò, nổ mìn)	4311
130.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
131.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
132.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

133.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;	4759
134.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
135.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN KHÁNH HÒA	CH số 12 tầng 4 TN Hei Tower 1 Ngụ Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150	150.000.000	5,000	0011890074 13	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150	150.000.000	5,000		

2	HOÀNG VĂN ĐỨC	CH12 tầng 4 tòa HeiTower số 1 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.700	2.700.000.000	90,000	024085000248	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.700	2.700.000.000	90,000		
3	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG	68 Ngõ 1 Nguyễn An Ninh, Tô 1D, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150	150.000.000	5,000	019184000019	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150	150.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG VĂN ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 17/02/1985

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024085000248

Ngày cấp: 25/08/2020

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *CH12 tầng 4 tòa HeiTower số 1 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *CH12 tầng 4 tòa HeiTower số 1 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội